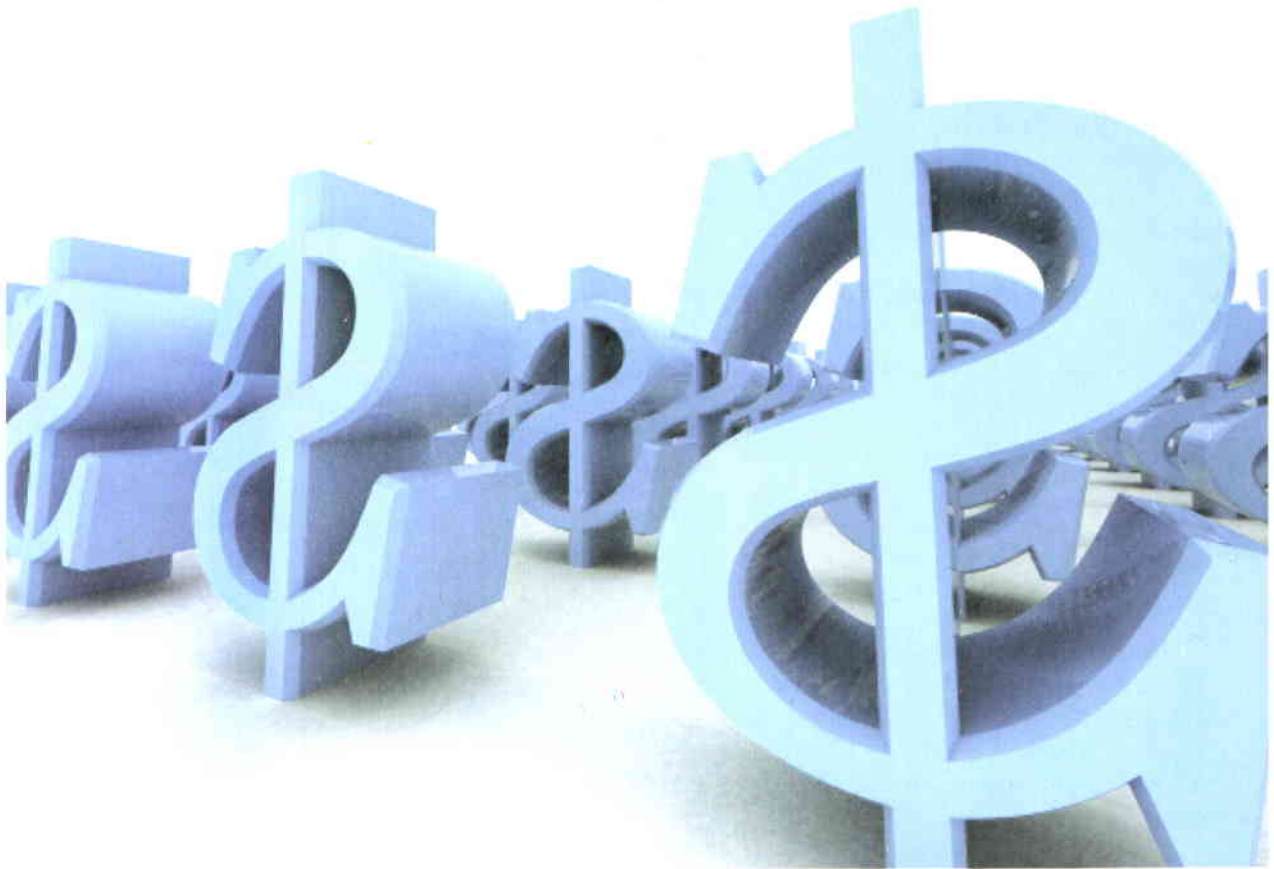




# ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thảo Trang



**T**ừ khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức thương mại thế giới (WTO), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đầu tư vào lĩnh vực ngân hàng cũng được nói lòng khá nhiều. Số lượng các ngân hàng tại Việt Nam tăng lên nhanh chóng, từ 9 ngân hàng trong năm 1991 lên đến gần 100 ngân hàng trong năm 2009. Góp phần vào sự phát triển này là sự gia tăng số lượng ngân hàng nước ngoài (NHNng) theo số vốn FDI. Bên cạnh tác động tích cực, nguồn vốn FDI cũng gây nên những ảnh hưởng tiêu cực cho hệ thống ngân hàng nội địa. Bài viết sẽ đưa ra một số giải pháp nhằm ứng phó với những tác động này trên cơ sở phân tích thực trạng tác động của vốn FDI trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.

**Đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng**

FDI được hiểu nhiều cách. Tại Việt Nam, Luật Đầu tư năm 2005 định nghĩa FDI là sự kết hợp của hai khái niệm “đầu tư trực tiếp” và “đầu tư nước ngoài”. Theo đó, “đầu tư trực tiếp” là một hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư và “đầu tư nước ngoài” là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành hoạt động đầu tư.

Vận dụng các quy định trong Luật Các tổ chức tín dụng sửa đổi bổ sung năm 2004, Luật Đầu tư năm 2005, Quyết định số 228/QĐ - NH5 ngày 02/12/1993, Nghị định 69/2007/NĐ - CP vào lĩnh vực ngân hàng, tác giả cho rằng có bốn hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng là: chi nhánh NHNNg, ngân hàng liên doanh (NHLĐ), ngân hàng 100% vốn nước ngoài và hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý.

Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam

Từ năm 2006 đến nay đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng đã tăng lên nhanh chóng (bảng 1).

**Bảng 1. Đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng phân theo hình thức đầu tư**

Hình thức đầu tư	2006	2007	2008	2009	5/2010
Chi nhánh NHNNg	31	33	42	45	42
NHLĐ	5	5	5	5	5
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	0	0	0	5	5
Mua cổ phần của ngân hàng nội địa và tham gia quản lý	5	5	8	10	10

*Nguồn: Tổng hợp từ các website của các ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài*

Sự xâm nhập của các NNNNg đã đem đến những chuyển biến tích cực cho ngành ngân hàng. Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến hai yếu tố tiêu biểu: năng lực tài chính và công nghệ hiện đại.

Việc bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài đã mang lại nguồn vốn không nhỏ cho các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài không chỉ bổ sung một lượng vốn cần thiết vào số vốn điều lệ đang thiếu hụt mà còn đem lại phần thặng dư cổ phần khá lớn cho các ngân hàng nội địa. Eximbank sau khi bán cổ phần cho hai quỹ đầu tư nước ngoài (Vinacapital và Mirae Assets) và Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation đã nâng mức vốn điều lệ từ 2800 tỷ đồng lên 3733 tỷ đồng ngay trong năm 2007, đồng thời mang lại thặng dư 5600 tỷ đồng. Trong năm 2008, ngân hàng ABBank ký hợp đồng bán 15% cổ phần cho đối tác chiến lược là MayBank (Malaysia) với giá 50000đ/CP, cao gấp 3





lần giá giao dịch trên thị trường. Cũng trong năm 2008 giá mua thêm 5% cổ phần của Techcombank được HSBC trả đến 60891,52 đồng/cổ phiếu trong khi giá thị trường chưa bằng 1/2 mức này [4].

Thông qua việc chuyển giao công nghệ từ các đối tác nước ngoài, công nghệ của hệ thống ngân hàng đã có sự thay đổi đáng kể.

**Bảng 2. Hỗ trợ công nghệ từ nhà đầu tư chiến lược nước ngoài**

NHTM Việt Nam	Nhà đầu tư nước ngoài	Hỗ trợ công nghệ
Techcombank	HSBC	13,5 triệu USD để hỗ trợ cung cấp dịch vụ kỹ thuật trong thời gian 5 năm
ABBank	Maybank	Nghiên cứu khả năng kết nối hệ thống máy ATM của 2 ngân hàng, tìm các trường dự án đối với các dự án phát triển CNTT
ACB	Standard Chartered Bank	Chương trình hỗ trợ kỹ thuật toàn diện được triển khai trong 5 năm (bắt đầu từ năm 2005)
Eximbank	SMBC	Tìm công ty tư vấn công nghệ có năng lực đến từ Mỹ để tư vấn, kiểm tra toàn diện hệ thống công nghệ thông tin của Eximbank

*Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo thường niên của các NHTM và các nguồn khác.*

Điển hình là quan hệ hợp tác giữa Techcombank và HSBC. Với sự hỗ trợ từ phía HSBC, Techcombank đã có sự bứt phá ngoạn mục từ một ngân hàng chưa có một chỗ đứng vững vàng trên thị trường trước 2005 đã vươn lên trở thành một ngân hàng tiên phong về công nghệ. Vào tháng 8/2006 tổ chức tín nhiệm Moody's đã đánh giá sức mạnh tài chính của Techcombank cao hơn một bậc so với BIDV (NHTM quốc doanh với quy mô lớn hơn nhiều lần) vào thời điểm đó.

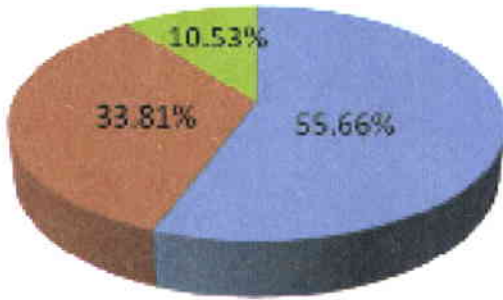
Tuy nhiên, đối với một quốc gia trong giai đoạn đầu phát triển như Việt Nam hiện nay, vốn FDI còn đem đến cả những ảnh hưởng tiêu cực gây xáo trộn trong nội bộ ngành. Đầu tiên là sự sụt giảm thị phần của các ngân hàng nội địa. Thị phần bán lẻ của khối ngân hàng nội địa đang bị thu hẹp. HSBC, ANZ đã công khai ý định tập trung vào lĩnh vực này ngay từ ban đầu như đẩy mạnh tín dụng cá nhân, phát triển thẻ ATM, cho vay tiêu dùng... Trong khi các ngân hàng nội vẫn e dè rủi ro và khả năng khống chế nợ ngay trên sân nhà thì NHNNg luôn cố gắng tấn công vào khu vực này tiềm năng này.

Từ năm 2007 đến năm 2008 NHNNg đã tỏ rõ ưu thế của mình trong mảng hoạt động được xem là khá truyền thống của các NHTM Việt Nam, thể hiện qua tăng tỷ trọng cho vay từ 9,01% đến 10,53%. Mức cho vay của khối ngân hàng ngoại năm 2008 tăng lên với con số tương đối là 46,55% [1]. Thị phần của khối NHTM Nhà nước năm 2008 chỉ chiếm 55,66%, trong khi năm 2007 là 57,05% chứng tỏ vị



thế độ tôn của khối NHTM Nhà nước đang bị đe dọa.

**Biểu đồ 2: Tỷ trọng cho vay nền kinh tế của từng khối năm 2008**



- NHTMNN và NH chính sách xã hội
- Khối NHCT, phi NH và quỹ tín dụng
- Khối CNHN và NILLD

Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN 2008.

Việc kết hợp chất lượng phục vụ, chính sách tín dụng khả năng trả nợ hơn là tài sản thế chấp, chiến lược “miếng mồi ngon” đã góp phần làm nợ xấu của các ngân hàng ngân hàng nước ngoài chỉ có 0,63% so với 1,39% của NHTM cổ phần và 2,02% của ngân hàng quốc doanh [3]. Trong thời gian tới khi các hàng rào gia nhập WTO được dỡ bỏ hoàn toàn, NHNN sẽ là đối thủ cạnh tranh đáng lo ngại nhất cho các ngân hàng Việt Nam.

Thứ hai, sự xâm nhập ngày càng sâu của các NHNN đã gây khó khăn rất lớn cho cơ quan giám sát trong nước, đặc biệt trong giám sát hoạt động kinh doanh ngoại hối.

Hơn nữa, bộ phận NHNN với kinh nghiệm dày dặn trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ đã có những hoạt động tìm kiếm lợi nhuận gây khá nhiều tranh cãi trong thời gian vừa qua. NHNN mua bán đô la Mỹ với doanh nghiệp thông qua một ngoại tệ thứ ba để đạt được tỷ giá mong muốn và khi NHNN cấm nghiệp vụ này, họ vẫn sử dụng ngoại tệ thứ ba thông qua một ngân hàng thứ ba. Thí dụ doanh nghiệp XYZ muốn mua đô la Mỹ của họ, thì đầu tiên doanh nghiệp đó phải mua Euro của ngân hàng nội địa XYZ với một tỷ giá thỏa thuận. NHNN bán Euro cho ngân hàng XYZ để XYZ bán cho doanh nghiệp. Có Euro rồi, doanh nghiệp bán lại cho NHNN này cũng theo giá thỏa thuận vào ngày hôm sau, làm sao

tương ứng với sự chênh lệch của đô la Mỹ (giữa giá niêm yết của ngân hàng và giá thị trường tự do) mà họ bán cho doanh nghiệp. Trên hợp đồng, giá mua bán đô la vẫn tuân thủ quy định của NHNN, nhưng trên thực tế, sau một vòng, giá thực mua - bán đã khác nhiều [3]. Cách làm việc này khiến cơ quan giám sát khó lòng kiểm soát chặt chẽ. Thực tế cũng đã xảy ra một số vụ án vi phạm về hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Tiêu biểu là vụ án chi nhánh Amro – Hà Nội đã móc nối với chi nhánh Vietinbank Hải Phòng rút tiền của nhà nước dựa trên các hợp đồng “ma”. Tại một thị trường tiền tệ trong giai đoạn phát triển như Việt Nam, cơ quan giám sát thật không dễ dàng kiểm soát được NHNN với kinh nghiệm dày dặn, khả năng lách luật tìm kiếm lợi nhuận.

Mặt tiêu cực thứ ba chính là tình trạng ngân hàng nội địa bị mất chuyên gia giỏi. Một thực tế là các NHNN khá nhanh chân trong việc tuyển chọn đội ngũ sinh viên trẻ. Thông qua các chương trình thực tập, các ngân hàng này đã tìm kiếm được lượng sinh viên trẻ ngay từ khi chưa tốt nghiệp nhằm bồi dưỡng, đào tạo và bổ sung nguồn lực trong tương lai. Hơn nữa với môi trường làm việc chuyên nghiệp và chính sách thu nhập cao phù hợp, nguồn nhân lực có trình độ luôn có xu hướng đổ dồn về phía các NHNN, điều này gây khá nhiều bất lợi cho các ngân hàng Việt Nam.

**Giải pháp**

Qua những phân tích về tác động của nguồn vốn FDI đến lĩnh vực ngân hàng, tác giả xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp để có thể ứng phó trong thời gian sắp tới.

**Nhóm giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của nguồn vốn FDI**

**Hoàn thiện hành lang pháp lý:** Ban hành văn bản pháp luật cụ thể quản lý chặt chẽ các hoạt động kinh doanh ngoại tệ của các NHNN, quy định mức xử phạt nghiêm minh cho các trường hợp vi phạm: đền bù thiệt hại và cấm hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chịu án hình sự nếu vi phạm gây thất thoát lớn cho nhà nước.

**Tăng vốn chủ sở hữu và khả năng quản lý rủi ro của NHTM:** (i) Khẩn trương tăng vốn và xử lý dứt điểm nợ tồn đọng như bán tài sản và thuê lại, sáp nhập, hợp nhất, phát hành cổ phiếu. Việc tăng vốn phải đi kèm theo kế hoạch sử dụng vốn hiệu quả; (ii) Nâng cao khả năng quản trị rủi ro bằng hợp tác với công ty quản lý rủi ro và thành lập các công ty quản lý nợ,



đào tạo cán bộ nhân viên nâng cao trình độ nghiệp vụ để phòng tránh rủi ro, ứng phó với những biến động bất thường của thị trường.

**Nâng cao chất lượng dịch vụ của các**

**NHTM:** (i) Ứng dụng công nghệ hiện đại vào tất cả các nghiệp vụ ngân hàng, đặc biệt là hệ thống thanh toán theo hướng tự động hóa, lựa chọn đầu tư trang thiết bị phù hợp đồng bộ với hệ thống, tránh tình trạng đánh bóng tên tuổi, gây lãng phí nguồn lực; (ii) Thành lập các phòng ban chuyên trách nghiên cứu và ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới để có thể đổi mới công nghệ hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí; (iii) Nâng cao công tác marketing ngân hàng, tìm hiểu nhu cầu của thị trường, chủ động tìm đến khách hàng, tổ chức các hội nghị khách hàng để thúc đẩy mối quan hệ hai bên, xem trọng thái độ phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo, có trách nhiệm.

**Bồi dưỡng và thu hút nhân tài:** (i) Đẩy mạnh chương trình liên kết tại các trường đại học, trung tâm đào tạo tuyển dụng sinh viên mới ra trường thông qua Chương trình tuyển sinh viên thực tập; (ii) Quy định rõ ràng trong việc thăng tiến, chế độ đãi ngộ, lương bổng, tạo điều kiện cho nhân viên có trình độ hoàn thiện chuyên môn bằng các khoá học lên cao; (iii) Thường xuyên tổ chức cuộc thảo luận để nhân viên có cơ hội đề đạt nguyện vọng, phát phiếu điều tra về mức độ hài lòng của nhân viên đối với ngân hàng.

**Liên kết các ngân hàng nội địa tăng sức cạnh tranh:**

(i) Đổi mới tư duy của các ngân hàng, cạnh tranh kết hợp với hợp tác để cả hai bên cùng thu được lợi ích; (ii) Liên kết theo hai hướng: hợp tác đa phương và song phương. Trước mắt, phát huy mối liên kết trong nội bộ ngành như thể liên minh, đẩy mạnh mối quan hệ liên kết giữa các NHTM và các tập đoàn tài chính có uy tín trong nước như điện lực, bảo hiểm, bưu chính... nhằm gia tăng năng lực tài chính, cung cấp sản phẩm trọn gói phải được đưa vào mục tiêu chiến lược kinh doanh của mỗi ngân hàng.

**Nhóm giải pháp thu hút FDI trong lĩnh vực ngân hàng**

**Xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh:** (i) Minh bạch hóa thông tin phục vụ điều hành, giám sát các TCTD có hiệu quả hơn, hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo trong hệ thống ngân hàng, tăng cường kiểm tra thông tin, bảo đảm thông tin cập nhật, chính xác, an toàn; (ii) Đẩy mạnh kế hoạch cổ phần hóa giảm bớt sự bảo hộ và ưu đãi của nhà nước đối với các NHTMNN; (iii) Điều chỉnh quy định về cấp phép và hoạt động của các loại hình đầu tư như rút ngắn thời gian xem xét cấp phép hoạt động của khối NHNNg, thực hiện tăng mức sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo lộ trình và tình hình hoạt động của ngân hàng.

**Đẩy mạnh và phát triển thị trường liên ngân hàng:**

(i) Chủ động mở rộng thành viên tham gia giao dịch trên thị trường cho tất cả các TCTD kể cả chi nhánh lớn của các

NHTM quốc doanh, NHTM cổ phần, NHLĐ, chi nhánh NHNNg trên cơ sở đảm bảo kiểm soát có hiệu quả; (ii) Bổ sung các công cụ tài chính như tín phiếu kho bạc nhà nước, chứng chỉ tiền gửi, thương phiếu, công cụ tài chính phái sinh (hợp đồng tương lai, quyền chọn), kết hợp học tập mô hình hoạt động quản lý của các nước phát triển trên thế giới ■

**Tài liệu tham khảo**

1. NHNN (2008), Báo cáo thường niên
2. Website của các ngân hàng thương mại cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài
3. Chiêu kiếm lợi khủng khiếp từ ngân hàng ngoại tại Việt Nam, [HYPERLINK "http://www.vietnamnet.vn/kinhte/201003/Chieu-kiem-loi-khung-khiep-cua-ngan-hang-ngoai-tai-Viet-Nam-897403/"](http://www.vietnamnet.vn/kinhte/201003/Chieu-kiem-loi-khung-khiep-cua-ngan-hang-ngoai-tai-Viet-Nam-897403/) <http://www.vietnamnet.vn/kinhte/201003/Chieu-kiem-loi-khung-khiep-cua-ngan-hang-ngoai-tai-Viet-Nam-897403/>
4. Minh Đức (2008), Vì sao HSBC giữ giá mua cổ phần Techcombank [HYPERLINK "http://vneconomy.vn/20081007025519718P7C6/vi-sao-hsbc-giu-gia-mua-co-phan-techcombank.htm"](http://vneconomy.vn/20081007025519718P7C6/vi-sao-hsbc-giu-gia-mua-co-phan-techcombank.htm) <http://vneconomy.vn/20081007025519718P7C6/vi-sao-hsbc-giu-gia-mua-co-phan-techcombank.htm>

